

Bản án số: 03/2021/HS-ST  
Ngày 02-02-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Quý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Chinh
2. Ông Nguyễn Trung Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/TLST-HS, ngày 06/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2021/QĐXXST-HS, ngày 19/01/2021 đối với:

**Bị cáo: Triệu Văn T**, sinh ngày 10/3/1992, tại xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đức H3 và bà Hoàng Thị H4; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 24/12/2019 bị Công an thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau (đã chấp hành xong ngày 24/12/2019, đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, đến ngày xét xử đã hết thời hạn); nhân thân: Ngoài lần xử phạt hành chính nêu trên, không có vi phạm gì khác; bị bắt tạm giam ngày 05/11/2020; có mặt.

**Bị hại:** Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ 01 thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Nguyễn Sỹ T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 13 thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 01 thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.
2. Anh Nông Quốc H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 17 thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.
3. Anh Phan Đình H2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.
4. Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.
5. Anh Lục Văn T3, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.
6. Anh Lê Xuân T4, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn V, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.
7. Ông Triệu Đức H3, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối 27/10/2020 anh Hoàng Văn A gọi điện thoại mời bạn là Triệu Văn T, Nông Quốc H1, đi cùng anh H1 có anh Phan Đình H2 đến nhà anh A ăn cơm, uống rượu, đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì ăn cơm xong, T có nhờ anh A chở T về nhà tại xã T, huyện Q, nhưng anh A không đồng ý, sau đó T hỏi mượn xe máy của anh A để tự đi về nhà, anh A đồng ý và nói với T sáng ngày hôm sau 28/10/2020 T phải mang xe máy đến trả, sau đó anh A đưa chìa khóa và giao chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave, biển kiểm soát 23E1-114.98 cho T mượn, còn giấy tờ xe anh A không giao cho T. Sau khi mượn được xe T điều khiển xe máy đi về nhà tại Thôn T, xã T, sau đó tiếp tục đi ra thị trấn V, huyện B chơi, đến khoảng 00 giờ ngày 28/10/2020 T điều khiển xe máy của anh A một mình đi loanh quanh khu vực trung tâm huyện Bắc Quang, do không có tiền chi tiêu nên T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy để lấy tiền, T gọi điện thoại cho chị Hoàng Thị T2 là anh em họ hàng để hỏi chị T2 xem có biết chỗ nào nhận cầm cố xe máy không, chị T2 gửi cho T số điện thoại của anh Nguyễn Sỹ T1 là chủ hiệu cầm đồ Sỹ T1 tại thị trấn V để T liên hệ với anh T1, sau đó T gọi điện thoại cho bạn là Lục Văn T3 đang làm thuê (thợ sơn) ở Bắc Quang, mục đích nhờ Lục Văn T3 đi cùng đến hiệu cầm đồ để chờ T về nhà nghỉ. Khi đến hiệu cầm đồ anh T1 kiểm tra chiếc xe máy rồi đồng ý cho T cầm cố với số tiền là 2.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng 03 ngày sau T đến trả tiền và lấy xe về, anh T1 lấy trước 200.000 đồng tiền lãi, thực tế T được nhận 1.800.000 đồng từ anh T1. Sau khi cầm cố xe máy xong T nhờ Lục Văn T3 đưa về nhà nghỉ để ngủ, đến sáng T bắt xe khách đi lên thành phố Hà Giang chơi và chi tiêu cá nhân hết số tiền cầm cố xe, sau 03 ngày theo thỏa thuận

T không có tiền trả cho anh T1 để lấy xe, T gọi điện thoại cho anh T1 xin gia hạn thêm 03 ngày nữa, anh T1 đồng ý, tiếp tục hết 03 ngày gia hạn T vẫn không có tiền trả cho anh T1, nên anh T1 đã bán chiếc xe máy cho anh Lê Xuân T4, trú tại thôn V, thị trấn V, huyện B với giá 2.800.000 đồng. Ngày 28/10/2020 anh A không thấy T đem xe máy về trả, anh A đã gọi điện thoại nhiều lần nhưng không liên lạc được, đến ngày 03/11/2020 T gọi điện cho anh A và thú nhận đã mang xe máy đi cầm cố, do không có tiền để trả nên chưa lấy xe máy về trả cho anh A được, anh A đến Công an thị trấn Yên Bình để trình báo về hành vi của Triệu Văn T.

Sau khi biết tin T có hành vi cầm cố xe máy của anh A, ông Triệu Đức H3 là bố đẻ của T đã tìm gặp anh Lê Xuân T4 để chuộc lại chiếc xe và giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình.

Về phần dân sự, đã trả lại chiếc xe máy bị chiếm đoạt, ngoài ra bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại 1.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì; ông Triệu Đức H3 không yêu cầu bị cáo trả lại tiền chuộc xe 2.800.000 đồng; anh Lê Xuân T4 cho chuộc xe và nhận lại đủ số tiền mua xe, không yêu cầu gì khác.

Về vật chứng là chiếc xe máy đã trao trả, không có ai yêu cầu gì.

Kết luận định giá số 356/KL-HĐĐG, ngày 05/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quang Bình xác định: Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển kiểm soát 23E1-114.98 giá trị 11.000.000 đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKS, ngày 06/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa:*

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên, nhất trí với cáo trạng của Viện Kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại trình bày nhất trí với cáo trạng của Viện Kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên, không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, vật chứng trong vụ án, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tuyên bố bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 07 đến 09 tháng tù.

- + Bị cáo không có nghề nghiệp, là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- + Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tài sản bị chiếm đoạt và tiền bị cáo tự nguyện bồi thường, không có ai yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

+ Về vật chứng: Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, biển kiểm soát 23E1-114.98 đã trao trả cho bị hại, nên không phải xử lý.

+ Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát huyện Quang Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; về tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội bị cáo khai nhận tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Với những chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/10/2020 bị cáo thực hiện hành vi mượn xe máy loại Wave, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23E1-114.98 giá trị 11.000.000 đồng của anh Hoàng Văn A trú tại tổ 01 thị trấn Y, huyện Q theo hợp đồng miệng để bị cáo đi về nhà Thôn T, xã T, huyện Q, sau khi được giao xe bị cáo thực hiện mục đích đi về nhà, ngày hôm sau bị cáo không trả xe cho anh A theo thỏa thuận mà đã tự ý mang cầm cố cho anh Nguyễn Sỹ T1 là chủ hiệu cầm đồ Sỹ T1 tại thị trấn V, huyện B vay 2.000.000 đồng (khấu trừ 200.000 đồng tiền lãi, còn lại bị cáo nhận 1.800.000 đồng) lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đây là hành vi không thực hiện theo đúng nghĩa vụ cam kết của hợp đồng, mượn tài sản của người thân quen bằng hình thức hợp đồng miệng rồi mang cầm cố lấy tiền sử dụng cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản, hành vi của bị cáo cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự có mức phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, ảnh hưởng đến trật tự, an ninh tại địa phương, bị cáo nhận thức được rằng hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền ăn chơi nên vẫn cố ý thực hiện, lợi dụng sự tín nhiệm của chủ tài sản giao ngay thẳng cho bị cáo mượn rồi chiếm đoạt, thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý tương xứng

với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với anh Nguyễn Sỹ T1 cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát 23E1-114.98 cho vay tiền, chị Hoàng Thị T2 cho bị cáo số điện thoại của chủ hiệu cầm đồ, anh Lục Văn T3 đi cùng bị cáo đến nhà anh T1 cầm cố xe rồi đưa bị cáo về nhà nghỉ và anh Lê Xuân T4 mua lại chiếc xe máy của anh T1 đều là ngay tình, hoàn toàn không biết tài sản do lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt mà có nên không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật để phải xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại chiếc xe máy là tài sản bị chiếm đoạt và tiền bị cáo tự nguyện bồi thường, không có ai yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave, biển kiểm soát 23E1-114.98 cho bị hại là đúng pháp luật. Ngoài ra không thu giữ vật chứng gì khác, nên không phải xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

**Về hình phạt:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam - ngày 05/11/2020.

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Triệu Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Quang Bình;
- Công an huyện Quang Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Quang Bình;
- CCTHADS huyện Quang Bình;
- UBND xã T, huyện Q;
- Bị cáo; bị hại; người có QLVN liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Quý**







